

Cao Bằng, ngày 18 tháng 7 năm 2018

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 08/HĐKT-TV-CNKC

Thăm dò khoáng sản mỏ mangan Roồng Tháy xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh và xã Quang Trung, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng

Căn cứ:

- Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/4/2005 và các căn cứ hướng dẫn thi hành;
 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 30/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.
 - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
 - Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định nội dung công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản.
 - Thông tư số 45/2016/TT - BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.
 - Căn cứ chức năng nhiệm vụ Trung tâm Triển khai công nghệ Khoáng chất;
 - Căn cứ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Măng gan Cao Bằng;
- Hôm nay, ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở của Công ty Cổ phần Măng gan Cao Bằng, chúng tôi gồm:

1. BÊN GIAO THẦU (sau đây gọi là bên A)

- Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN MĂNG GAN CAO BẰNG**
- Đại diện: Ông **Nguyễn Đức Thịnh** - Chức vụ: **Tổng giám đốc**
- Địa chỉ: Đường Lê Lợi, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- Điện thoại: 02063854671
- Mã số thuế: 4800152908
- Tài khoản: 33010000000573 tại BIDV Cao Bằng.

2. BÊN NHẬN THẦU (sau đây gọi là bên B)

- Tên đơn vị: **TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT**
- Đại diện: Ông **Lê Tiến Dũng** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Phòng 2, tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 7523043 - Fax: 0243 7523043;
- Tài khoản: 3100211000523; Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Từ Liêm - Hà Nội;
- Mã số thuế: 0100763608;

Hai bên thống nhất cam kết thực hiện những điều dưới đây như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Bên B chịu trách nhiệm thi công thăm dò mỏ mangan Roòng Tháy xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh và xã Quang Trung, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng cho phía Công ty Cổ phần Măng gan Cao Bằng với diện tích 29,7ha theo giấy phép và đề án đã được phê duyệt (chi tiết ở phụ biểu đính kèm):

- 1.1. Thi công công tác trắc địa;
- 1.2. Đo vẽ lập bản đồ địa chất;
- 1.3. Khảo sát, đo địa vật lý;
- 1.4. Đo vẽ, lập bản đồ địa chất thủy văn - địa chất công trình, quan trắc địa chất thủy văn các công trình thăm dò, khai đào;
- 1.5. Thi công các công trình khoan máy, hào thăm dò, giếng, thu thập tài liệu lò cũ;
- 1.6. Lấy, gia công, phân tích các loại mẫu theo giấy phép và đề án thăm dò;
- 1.7. Lập báo cáo tổng kết công tác thăm dò theo quy định;
- 1.8. Hoàn thiện, sửa chữa báo cáo, nộp lưu trữ địa chất.

ĐIỀU 2: VỀ TRÁCH NHIỆM, CHẤT LƯỢNG

2.1. Đối với bên B:

1. Chuẩn bị trang thiết bị, nhân lực triển khai thi công thăm dò;
2. Thi công các hạng mục thăm dò theo trình tự, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, khối lượng, chất lượng của đề án;
3. Phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát thực hiện nghiệm thu khối lượng công việc theo các quy định của Nhà nước;
4. Thu thập đầy đủ các thông tin địa chất, khoáng sản tại các công trình thăm dò, công trình khai thác cũ lập tài liệu nguyên thủy theo quy định chung;
5. Tiến hành lấy, gia công và gửi phân tích các loại mẫu theo quy định, đảm bảo số lượng và chất lượng theo đề án và theo tình hình thực tế thăm dò tại mỏ;
6. Lập báo cáo thăm dò, bảo vệ trước hội đồng các cấp;
7. Chính sửa hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, sao in nộp lưu trữ địa chất theo quy định;
8. Chịu trách nhiệm trước bên A về tính chính xác, độ tin cậy của sản phẩm khi giao nộp cho bên A.

2.2. Đối với bên A:

1. Cung cấp đề án thăm dò (bản số), các tài liệu hiện có về khu mỏ và doanh nghiệp có liên quan đến dự án để bên B sử dụng trong quá trình thi công, khảo sát, lập báo cáo.
2. Chịu trách nhiệm về các thủ tục hành chính đối với địa phương và các cơ quan quản lý của nhà nước khi thực hiện các công tác thực hiện tại điều 1.
3. Chịu trách nhiệm làm đường và vận chuyển máy khoan đến các vị trí lỗ khoan;
4. Chịu trách nhiệm làm nền các lỗ khoan trong khu vực thăm dò;
5. Chịu trách nhiệm tổ chức và phương tiện đi lại khi các cơ quan chức năng yêu cầu kiểm tra thực địa khu mỏ.
6. Cử cán bộ theo dõi tiến độ và các hạng mục của hợp đồng.

ĐIỀU 3: SẢN PHẨM GIAO NỘP

Khi hoàn thành từng nội dung công việc ở điều 1 bên B phải nộp cho bên A các sản phẩm theo quy định. Hai bên cùng ký kết biên bản giao nhận các sản phẩm làm cơ sở để thanh lý hợp đồng, cụ thể như sau:

- 3.1. Các tài liệu nguyên thủy thi công tại thực địa;
 - 3.2. Các tài liệu xử lý sau thực địa;
 - 3.3. Báo cáo kết quả thăm dò (thuyết minh, phụ lục và bộ bản vẽ kèm theo)
 - 3.4. Các tài liệu giao nộp đảm bảo yêu cầu quy phạm kỹ thuật hiện hành của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
 - 3.5. Các báo cáo, bản vẽ, phụ lục đều có bản mềm kèm theo (ghi trên đĩa CD).
- Địa điểm giao nộp: Văn phòng Công ty; qua đường bưu điện.

ĐIỀU 4: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 4.1. Thời gian hiệu lực của hợp đồng tính từ ngày ký kết.
- 4.2. Thời gian thực hiện của hợp đồng được tính từ khi bên A tạm ứng cho bên B để triển khai công việc đến khi giao nộp hồ sơ (chỉnh sửa hồ sơ) theo các mục, không tính thời gian chờ đợi khác từ bên A và thời gian chờ thẩm định, phê duyệt tại các cơ quan chức năng. Tùy theo điều kiện thực tế có thể thay đổi thời gian thực hiện và thông báo bằng văn bản cho các bên.

Thời gian chi tiết cho từng hạng mục như sau:

+ Công tác trắc địa:	30 ngày
+ Công tác đo vẽ địa chất, đo vẽ các công trình cũ:	30 ngày
+ Công tác địa vật lý:	30 ngày
+ Công tác thi công các công trình thăm dò:	60 ngày
+ Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu:	30 ngày
+ Công tác lập báo cáo tổng kết:	60 ngày
+ Công tác chỉnh sửa báo cáo (02 lần):	40 ngày
+ Công tác nộp lưu trữ địa chất:	20 ngày

Tổng thời gian thực hiện các công việc tại điều 1 của hợp đồng là 10 tháng.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Giá trị của hợp đồng:	1.100.000.000 đồng
Thuế (VAT) 10%:	110.000.000 đồng
Tổng cộng:	1.210.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười triệu đồng chẵn)

ĐIỀU 6: THANH LÝ HỢP ĐỒNG

6.1. Về cấp vốn

Sau khi hợp đồng có hiệu lực thi hành, bên B đã triển khai công việc. Bên A tạm ứng theo từng đợt, sau khi bên B hoàn thành các hạng mục công việc thực hiện theo hợp đồng. Cụ thể như sau:

- Đợt 1: Sau khi hợp đồng được ký kết, bên A tạm ứng cho bên B số tiền: **500.000.000 đồng** (năm trăm triệu đồng chẵn) để bên B tiến hành thi công các hạng mục tại điều 1 tại thực địa, theo thời gian ký kết tại điều 4.
- Đợt 2: Sau khi kết thúc thi công thực địa, bên B tiến hành các công tác trong phòng, bên A tạm ứng cho bên B số tiền: **300.000.000 đồng** (ba trăm triệu đồng chẵn) để bên B tiến hành công tác văn phòng và lập báo cáo tổng kết.
- Đợt 3: Sau khi hoàn thành báo cáo tổng kết và bàn giao cho bên A, bên B tạm ứng cho bên B số tiền: **200.000.000 đồng** (hai trăm triệu đồng chẵn).

Sau các đợt tạm ứng tiền, bên B phải xuất hoá đơn VAT phù hợp với số tiền đã chuyển khoản.

6.2. Thanh lý hợp đồng

Sau khi hoàn thành khối lượng công việc như hợp đồng, hai bên làm biên bản thanh lý hợp đồng, bên A chuyển nốt số tiền còn lại theo biên bản thanh lý (kể cả các phụ lục của hợp đồng). Bên B xuất hoá đơn VAT theo đúng số tiền thanh lý cho bên A.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT

7.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của hợp đồng, không được đơn phương thay đổi, hủy bỏ hợp đồng khi chưa được bên đối tác đồng ý bằng văn bản.

7.2. Bên nào vi phạm các điều khoản ghi trong hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất và phải bồi hoàn chi phí mà bên kia bỏ ra.

7.3. Trường hợp bất khả kháng: nếu do thiên tai hoặc một lý do khách quan nào khác không thuộc phạm vi giải quyết của bên A và bên B mà hợp đồng không thực hiện được thì hợp đồng sẽ chấm dứt, không bên nào chịu trách nhiệm trước bên nào.

ĐIỀU 8: THỦ TỤC TRANH CHẤP

8.1. Hợp đồng này là căn cứ cho mọi thỏa thuận ký kết của hai bên và là cơ sở để giải quyết mọi vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

8.2. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì trở ngại phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp để khắc phục.

8.3. Hai bên cam kết nghiêm chỉnh chấp hành những nội dung đã ghi trong hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc hai bên gặp nhau bàn bạc giải quyết.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 04 bản.
- Hai bên thống nhất cùng ký tên./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Đức Thịnh

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
PGS-TS. Lê Tiến Dũng

PHỤ BIỂU

*Nội dung, khối lượng công việc thi công thăm dò khoáng sản mỏ mangan Roồng Tháy
xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh và xã Quang Trung, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng
(Kèm theo hợp đồng số: 08/HĐKT-TV-CNKC ngày tháng 7 năm 2018)*

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
A	Thi công đề án	đồng		
I	Công tác trắc địa			
1	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000, h=2m, loại III	km ²	0.297	
2	Lập lưới giải tích I, khó khăn loại III	điểm	2	
3	Lập lưới đa giác loại II trực tiếp, khó khăn loại III	km	2.712	
4	Lập lưới độ cao kỹ thuật, khó khăn loại III	km	13.6	
5	Đo vẽ mặt cắt địa hình tỷ lệ 1:2.000	km	2.976	
6	Định tuyến thăm dò khoảng cách cọc <20m	km	2.976	
7	Định tuyến địa vật lý, khoảng cách cọc <20m	km	2.976	
8	Đưa công trình chủ yếu từ thiết kế ra thực địa	điểm	16	
9	Đưa công trình thứ yếu từ thiết kế ra thực địa	điểm	6	
10	Đưa công trình chủ yếu từ thực địa lên bản đồ	điểm	16	
11	Đưa công trình thứ yếu từ thực địa lên bản đồ	điểm	6	
12	Xây dựng mốc ranh giới	mốc	4	
II	Công tác thăm dò địa chất			
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1:2.000	km ²	0.297	
2	Đào hào (0-8m), cấp đất đá I-III	m ³	108	
3	Lấp hào	m ³	108	
4	Đào giếng (0-8m), cấp đất đá I-III	m ³	30	
5	Lấp giếng	m ³	30	
6	Khoan thăm dò			
	- Khoan xiên 75, độ sâu <100m, cấp đất đá I-IV	m	80	
	- Khoan xiên 75, độ sâu <100m, cấp đất đá VII	m	766	
	- Khoan địa chất thủy văn, xiên 75 độ, độ sâu <100m, cấp đất đá VII (khoan doa đến đường kính 132mm)	m	96	
III	Công tác địa vật lý			
1	Mặt cắt phân cực, AB=90-100m; MN=20, d=10	điểm	329	
2	Đo sâu đối xứng phân cực, ABmax=200m, điểm cách điểm 10m	điểm	103	
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT			
1	Đo vẽ tổng hợp ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ 1:2.000	km ²	0.297	
2	Quan trắc đơn giản các lỗ khoan	lần	16	
3	Quan trắc động thái nước tại trạm (mức độ bình thường, khoảng cách <5km)	lần	96	
4	Quan trắc nước ngầm (2 LK thủy văn)	lần	192	
5	Bơm nước thí nghiệm			
	- Lắp đặt tháo dỡ thiết bị bơm	lần	2	
	- Tiến hành bơm thí nghiệm	ca	6	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
	- Đo hồi phục	ca	6	
6	Thu thập tài liệu khí tượng thủy văn	năm	5	
V	Công tác lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu			
1	Công tác lấy mẫu			
1.1	Mẫu rãnh hào (CT khô ráo tiết diện rãnh 10x5cm)	mẫu	12	
1.2	Mẫu lõi khoan	mẫu	32	
1.3	Mẫu lát mỏng (thạch học chi tiết)	mẫu	20	
1.4	Mẫu khoáng tương	mẫu	10	
1.5	Mẫu cơ lý đất	mẫu	5	
1.6	Mẫu cơ lý đá	mẫu	20	
1.7	Mẫu nước	mẫu	5	
1.8	Mẫu công nghệ (1 tấn/mẫu)	mẫu	1	
1.9	Mẫu thể trọng nhỏ và độ ẩm	mẫu	20	
2	Gia công mẫu			
2.1	Mẫu khoáng tương	mẫu	10	
2.2	Mẫu lát mỏng	mẫu	20	
2.3	Mẫu hoá (đến độ hạt 0,074mm)	mẫu	44	
3	Phân tích mẫu			
3.1	Mẫu hóa cơ bản (2 chỉ tiêu: Mn, tổng Fe)	mẫu	44	
3.2	Hoá nhóm toàn diện (12 chỉ tiêu)	mẫu	10	
3.3	Mẫu đúp	mẫu	10	
3.4	Mẫu chuẩn	mẫu	2	
3.5	Lát mỏng	mẫu	20	
3.6	Khoáng tương	mẫu	10	
3.7	Quang phổ plasma (phân tích đồng thời các nguyên tố)	mẫu	10	
3.9	Thể trọng nhỏ và độ ẩm	mẫu	20	
3.10	Cơ lý đất	mẫu	5	
3.11	Cơ lý đá	mẫu	20	
3.12	Công nghệ	mẫu	1	
3.13	Nước đơn giản	mẫu	5	
VI	Lập báo cáo tổng kết	báo cáo	1	
VII	Nộp lưu trữ địa chất	báo cáo	1	
B	CÁC CHI PHÍ KHÁC			
1	Vận chuyển máy khoan từ cơ sở đến mỏ và ngược lại	chuyến	2	
2	Vận chuyển cán bộ từ Hà Nội đến mỏ và ngược lại	lần	2	
3	Vận chuyển mẫu từ mỏ về Hà Nội	lần	1	
4	Tháo lắp máy khoan	lần	16	
5	Di chuyển máy khoan trong tuyến thi công	lần	16	chủ đầu tư
6	Làm nền khoan	nền	16	chủ đầu tư
7	Làm đường khoan	km	3	chủ đầu tư

Số: ~~1807~~/2018/QĐ

Hà Nội, ngày ~~18~~ tháng ~~7~~ năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC GIAO NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

- Căn cứ vào quyết định số 3603/GDDT ngày 29/8/1996 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục & đào tạo V/v thành lập Trung tâm Triển Khai Công Nghệ Khoáng Chất trực thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa Chất.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-655 ngày 28/08/2014 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ.
- Căn cứ Hợp đồng số 08/HĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018.
- Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật của công trình;
- Căn cứ vào trình độ chuyên môn và năng lực cán bộ, nhân viên kỹ thuật;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao cho ông Phạm Trường Sinh, kỹ thuật địa chất giữ chức chủ nhiệm dự án thực hiện các hạng mục thực hiện đề tài “Thăm dò khoáng sản mangan Roồng Tháy, xã Trung Phúc, huyện Trùng Khánh và xã Quang Trung, huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng”.

Điều 2: Ông Phạm Trường Sinh có trách nhiệm tổ chức nhân lực kỹ thuật địa chất, lập dự án và có quyền quyết định thi công, dừng thi công các công trình thăm dò khi đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về công tác thăm dò và khối lượng như đề cương ban đầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà phòng kỹ thuật, kế toán và ông Phạm Trường Sinh chịu thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu: VP TT.

**TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG
NGHỆ KHOÁNG CHẤT**



GIÁM ĐỐC
PGS-TS. Lê Tiến Dũng